TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SD** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **341**/2019/QĐST-HNGĐ	*SD, ngày 24 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 265/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố KL, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang

* Bị đơn: Anh **Phạm Nam P**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ dân phố KL, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:** Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Nam P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 27/4/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Nam P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng), P thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2019 đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Anh P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001036 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SD. Trả lại chị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh Phạm Văn P phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND thị trấn SD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Toàn